

B Á O - G Á O

" Nghiên cứu và áp dụng các biện pháp tổng hợp về kinh tế, kỹ thuật và tổ chức để tăng năng suất và chất lượng trâu đực kéo nhằm cân đối sức kéo ở 2 vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long"

Chương trình 02 - B
Mã số : 02 - B - 04 - 04

Cơ quan chủ trì đề tài :

Quý Chấn nuôi thú y.

Cơ quan phối hợp :

- Viện khoa học Nông nghiệp M.Nam
- Huyện Duy tiên - Hà Nam Ninh
- Huyện Cần Long - Cửu Long

Người chỉ trì đề tài :

- Lê-Hà-Lịch , Phó Quý Trưởng
- Quý Chấn nuôi và thú y :

Địa điểm thực hiện đề tài :

- Quý Chấn nuôi thú y thực hiện tại 7 HTX huyện Duy tiên, Tỉnh Hà Nam Ninh.
- Viện khoa học KT Nông nghiệp miền Nam thực hiện tại xã Tân an huyện Cần Long tỉnh Cửu Long.

Thời gian tiến hành :

- Từ tháng 10 - 1986 , kết thúc tháng 12 năm 1990.

Hà-Nội, 1990

Nghiên cứu và áp dụng các biện pháp tổng hợp về kinh tế kỹ thuật và tổ chức để tăng số lượng và chất lượng trâu cây kéo nhằm cân đối sức kéo ở 2 vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long.

Lê-Bá-Lịch và các cộng tác viên.

I- Đặt vấn đề:

Vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long là hai vùng trọng điểm lúa của nước ta.

Làm đất kịp thời vụ là yêu cầu ý nghĩa quan trọng trong thâm canh tăng vụ. Hiện nay cơ giới hóa trong nông nghiệp còn nhưng hạn chế, trâu bò còn đảm nhận trên 70% sức kéo trong nông nghiệp. Đặc biệt vùng đồng bằng sông Hồng bình quân mỗi trâu cây bừa 4,5 ha gieo trồng một năm. Lúc thời vụ bận rộn trâu bò phải làm việc liên tục; nhưng việc chăm sóc tăng khả năng sinh sản, tại chỗ, nhằm từ từ giảm bớt sức kéo trâu bò chưa được nghiên cứu để quyết định biện pháp đúng mực, hàng năm tỷ lệ chết đói chết rét lên "Hưu sinh vô dương" phải nhập trâu bò từ miền núi về, tỷ lệ chết cao.

Để tài đặt ra nhằm nghiên cứu các biện pháp tổng hợp nuôi dưỡng sinh sản tăng đàn trâu bò giải quyết những yêu cầu tăng nguồn sức kéo tại chỗ.

Mục tiêu của đề tài :

1. Xây dựng mô hình nuôi trâu cây kéo kết hợp sinh sản ở 2 huyện thuộc đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long. Đến cuối năm 1990 hệ mức trâu cây kéo từ 4,5 ha gieo trồng xuống 3,6 - 3,8 ha.

2. Tăng nhanh trâu khỏe (tỷ trọng trâu loại A và B tăng lên) ở các trọng điểm.

3. Nâng tỷ lệ sinh sản của trâu từ 25% lên 35 - 40%, tỷ lệ nuôi sống nghé từ 60% lên 80% - 90%.

4. Làm trẻ hóa đàn trâu và giảm số trâu loại đờng đờng xuống từ 3% xuống 1 - 1,5%.

Đề tài được tiến hành tại :

- 7 xã của huyện Duy Tiên - Hà Nam Ninh. Đại diện vùng đồng bằng sông Hồng

- 1 xã Càng Long, huyện Cửu Long, đại diện vùng đồng bằng sông Cửu Long.

II- Nội dung và phương pháp nghiên cứu :

II-1. Nội dung : Để tăng số lượng và chất lượng đàn trâu trâu sữa kết hợp sinh sản ở các xã chọn làm mô hình nội dung được đề ra và giải quyết như sau :

II-1.1- Điều tra phân loại đàn trâu cày, khả năng sinh sản, thực ăn v.v... của cơ sở.

II-1.2- Nghiên cứu ứng dụng biện pháp thức ăn cho đàn trâu trong đồng xuân.

II-1.3- Nghiên cứu ứng dụng biện pháp nâng cao khả năng sinh sản đàn trâu cày.

II-1.4- Nghiên cứu ứng dụng biện pháp về thú y và tổ chức hoạt động mang lưới trong HTX.

II-1.5- Nghiên cứu ứng dụng các chế độ, chính sách khoán quản lý mới.

II-1.6- ^{Đào tạo huấn} Luyện kỹ thuật cho cán bộ cơ sở, công tác tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện đưa tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi trâu bò ở gia đình.

II-2. Phương pháp :

II-2.1- Bằng phương pháp nghiên cứu ứng dụng từ điển ra điễn.

II-2.2- Phối hợp với Viện chăn nuôi, Viện thú y, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, Công ty chăn nuôi và thực ăn khu vực I, Trường Trung học phổ thông nghiệp Trung ương để ứng dụng kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

II-2.3- Vừa làm vừa rút kinh nghiệm đi từ biện pháp giản đơn, dễ làm phù hợp với điều kiện nông thôn hiện nay

III- Kết quả đạt được :

III-1. Qua điều tra phân loại đàn trâu năm 1986 về số lượng và chất lượng cho thấy :

1.1.1- ở 7 HTX Tiên nội, Tiên ngoại, Trác văn, Mộc bắc, Yên bắc, Chuyên ngoại và Duy minh của huyện Duy tiên Hà Nam Ninh tổng đàn trâu là 888 con trong đó trâu cày 713 con chiếm 80% tổng đàn. Trâu cái 321 con chiếm 35,6% tổng đàn.

- Tỷ lệ đẻ của đàn trâu 29%, tỷ lệ nuôi sống nghé 69%.

- Bình quân sức kéo (con/vụ/ha gieo trồng) 2,32.

- Trâu cày loại A và B (trẻ, khỏe) chiếm 89,1% .

loại C (già, yếu) chiếm 10,9% .

- Số trâu chết và loại thai trong đồng xuân 3,6% tổng đàn. Điều tra lứa đẻ của 46 trâu cái ở 2 HTX cho thấy :

- Có 16 con chửa đẻ lứa nào chiếm 35% số trâu điều tra (trong đó có 7 con từ 6 tuổi trở lên).

- Có 20 con đẻ từ 1 đến 3 lứa chiếm 43% số trâu đẻ tra. Đàn trâu đẻ giống trên 10 tuổi ở 2 HTX chiếm 25% đàn đẻ giống, có tầm vóc nhỏ (từ 250 - 300 kg/con), phân bố không đều.

1.1.2- ở xã Tân an, huyện Càng long - Cửu long

- Phân loại 658, trâu cày thì có 565 con (85,9%) đạt tiêu chuẩn trâu cày của Bộ nông nghiệp nhưng không có trâu loại A.

Số trâu loại D nhỏ con (220 - 300 kg/con), cày yếu có 93 con chiếm 14,1% tổng số trâu phân loại.

- Đàn trâu cái 256 con chỉ có 173 con (67,6%) đủ tiêu chuẩn làm nền lai tạo, 28 con (10,9%) trâu kéo loại IV có thể tận dụng sinh sản; còn 55 con (21,5%) không đạt tiêu chuẩn sinh sản phải loại thải.

- Khảo sát khả năng làm việc trên đất ướt của 1 đôi trâu như sau:

- Cày được 646 m²/giờ
- Bừa được 2347 m²/giờ

Thời gian làm đất vụ thu/hè kéo dài 3 - 5 giờ/ngày.

III-1.2. Điều tra tình hình chăn nuôi đàn trâu:

Trong các HTX, phương thức chăn nuôi dựa vào đồng cỏ tự nhiên và tận dụng phụ phẩm chủ yếu là rơm khô (750 - 1200 kg rơm/và) vì thế mùa đông trâu thường thiếu ăn, gầy yếu, khẩu phần hàng ngày thường là 20 - 30 kg cỏ và 5 - 6 kg rơm. Số voi yêu cầu thì thiếu 0,2 - 0,3 đơn vị thức ăn (ĐV/ngày nghỉ) và thiếu 0,7 - 0,8 ĐVTA (ĐV ngày làm việc). Trâu bỏ thường mắc bệnh tiêu mao trung, sản là gan, tụ huyết trung.

Các chế độ, chính sách khuyến khích người nuôi trâu cày, trâu sinh sản ít được chú ý dùng mướn và không đều trong các HTX, tập đoàn sản xuất (nhất là thời kỳ con chế độ bao cấp).

III-2. Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp thức ăn cho đàn trâu trong Đông xuân.

Thức ăn cho đàn trâu trong và đông xuân thường xuyên thiếu cả về số lượng và chất lượng, mà thức ăn lại là yếu tố rất quan trọng để duy trì và phát triển đàn trâu vừa cày kéo vừa sinh sản. Do đó đã tập trung nghiên cứu giải quyết:

2.1- Tăng cường thức ăn bổ xung giàu đạm, năng lượng và vi lượng cho trâu như: sử dụng 700 kg thức ăn viên, 100 kg đá liềm của Công ty thức ăn và chăn nuôi Khu vực I, bố trí cho 20 hộ nông dân dùng 50 kg chế phẩm (thành phần có 30% urê, rị động, vi lượng...) cho trâu cày, trâu sinh sản (ứng dụng kết quả nghiên cứu của Viện chăn nuôi). Vì trâu đồng bằng chỉ quen ăn cỏ và rơm nên việc bổ xung thức ăn

tính giàu đạm và năng lượng phải luyện tập công phu, khó đ vào sản xuất.

Riêng thươc ăn, bỏ xing, đang chế phẩm được 1 số hộ (13 số hộ nuôi trâu) sử dụng bồi dưỡng trâu cày (loại gia yêu và 1 số trâu sinh sản dưới hình thươc bồi dưỡng trực tiếp q môm.

2.2- Trồng thươc keo dậu - giống mới có năng suất lá vì hạt cao làm thươc ăn xanh và giàu đạm trong đồng ruộng cho t bố gia đình.

Đã dùng 5 kg hạt keo dậu gieo trồng vườn ươm cây, ươm gia đình, bờ yung, bờ thươc và hàng rào ở quanh nhà, kết quả có 1000 cây sống phát triển tốt, dùng lá cho trâu ăn tốt.

Bước đầu cho thấy với giống keo dậu mới của Phi-líp-p Pên có tỷ lệ nảy mầm70%, dễ trồng, đơn giản, không kén đất, gia đình trồng tận dụng quanh hàng rào, tốn ít công chăm sóc, vẫn có lá xanh trong vụ đông, có thể thu hoạch ch trâu bò ăn thêm trong mùa đông khan hiếm cỏ. Qua theo dõi 20 trâu nghe có 16 con (chiếm 80% số trâu) ăn lá không phá luyện tập tất cả 16 trâu không có hiện tượng bệnh lý, sức kh và làm việc bình thường. Bậu tự chi phí hạt giống trồng lam hàng rào quanh nhà 500 đ/sào. Hàng năm thu 15 kg lá xanh trong vụ đông.

2.3 - Nghiên cứu các phương pháp chế biến : ngô cày, rơm, lá thươc ăn cho trâu thiếu cỏ

2.3.1- ứng dụng phương pháp chế biến cây ngô sau thu bấp bằng hóa chất (kết quả nghiên cứu trường trung học nông nghiệp TW (ở Việt yên Hà bắc) vận dụng trong điều kiện tung gia đình.

Từ 2 bũ u gia đình bị hỏng ở Tiên ngoại, Yên bắc, vụ xuân 1989 - 1990 đã mở ra 27 bũ u của gia đình ở các HTX Tiên nội, Tiên ngoại, Yên bắc, Trác văn, Yên bắc (huyện Duy tiên), xã Phú đồng huyện Gia lâm (Hà nội), xã Bích sơn, huyện Việt yên (Hà bắc). Thể tích bũ u : dài 1 - 1,2 m, rộng 0,8 - 1 m, cao 0,8 - 1 m, thuận tiện cho việc ủ và lấy thươc ăn (kém nhai vơ). Mỗi cơ thể u 4 - 5 tạ ngô sau thu bấp (phù hợp với diện tích cây ngô tung gia đình trong vụ đông, chặt ngắn 5 - 19 cm (bỏ phần thân ngô từ bấp cuối cùng đến góc cây; vì qua gia).

Phương pháp chế biến bằng hóa chất này có ưu điểm : dễ làm, dự trữ một khối lượng cây ngô cho tung gia đình trong 1 - 2 tháng, sản phẩm trâu ăn ngay không phải tốn công luyện tập như phương pháp chế biến khác, gia thành hạ. 1 tạ cây ngô chỉ cần 500 đồng hóa chất, với bũ u 5 tạ cây ngô, tỷ lệ sử dụng 70% trâu có thể ăn trong 40 - 50 ngày và đồng 7 đợ cho nông dân 40 - 50 đát cỏ và hạn chế mức giảm sút thể trọng 10 - 25 kg/con trong mùa đông thiếu cỏ.

2.3.2- Chế biến rơm bằng ure 4%.

Rom khô được tưới dung dịch urê 4% (cứ 4 kg urê pha trong 100 lít phun tưới cho 100 kg rom khô) và đem ủ trong bồn ủ 2 ngăn từ 7 - 14 ngày, rồi luân phiên cho trâu ăn liên tục trong 10 tuần trước khi làm đất ruộng lúa hè thu và 4 tuần sau khi làm đất.

Rom ủ với urê 4% sẽ mềm hơn, và tăng giá trị dinh dưỡng (hàm lượng đạm fi protein...) Kết quả phân tích mẫu rom có N tổng số như sau :

- + Rom lựa địa phương, dài ngày (nắng trời) : 2,6%
- + Rom lựa cao sản ngắn ngày (19060)
 - Không ủ có 2,2%
 - Ủ 10 ngày có 5,6%
 - Ủ 14 ngày có 5,68%

Trâu ăn rom ủ urê 4% đi nhanh, cày khỏe hơn trâu ăn rom thường, vì vậy đã rút ngắn thời gian làm đất, đảm bảo cày bừa kịp thời. và. Mặt khác rom ủ urê là một kỹ thuật chế biến thức ăn để giải quyết tình hình khó khăn về nguồn thức ăn đem cho trâu ở nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Khả năng cày ruộng của trâu ăn rom ủ urê.

Thức ăn của trâu	N	Thời gian để		Diện tích cày m ² /giờ		
		đổi cây song	100	100kg.....đôi trâu/trên 1 đôi trâu		
		met	2/phút			
Rom ủ urê 4%	3	68	+ 17	132,7	+ 41,7	953
Rom không ủ	16	94	- 25	115,6	- 38,4	798

III.3. Nghiên cứu ứng dụng biện pháp nâng cao khả năng sinh sản của đàn trâu :

Đã áp dụng các biện pháp sau :

3.1.1. Chọn đủ đực tốt và điều hoà đực hợp lý trong địa bàn thôn xóm.

4 năm đã thiên hogen 40 trâu đực giống xấu, phân bố 68 đực giống ở từng xóm thôn phù hợp với đàn cái hiện có, tránh được tình trạng nơi thiếu đực hoặc nơi thừa đực giống.

3.1.3. Tăng cường đàn trâu cái trẻ, khỏe.

Giúp đàn loại thái 40 trâu cái già, nân sồi, mua vào 54 cái trẻ, và tư gây trong đàn cái địa phương 90 trâu cái tơ

3.2. Khám thai cho đàn trâu cái .

Những năm trước do quan lý kém, trâu của tập thể bị xây thai khá nhiều ; Qua điều tra lựa đẻ trong 3 năm liền ở 7 HTX Duy tiên cho thấy 138 trường hợp bị xây thai trong tổng số 697

trường hợp (chiếm 19,8% số trâu chữa) riêng năm 1986 là 15%, Để giúp dân xác định trâu cái có chữa, hay không, chữa vào tháng thứ mấy để có kế hoạch bồi dưỡng và sự dùng tốt đàn trâu cái hơn chế, tỷ lệ xây thai đồng thời, có kế hoạch phối giống nâng tỷ lệ đẻ của trâu chúng tôi đã tổ chức và hướng dẫn việc khám thai cho 1100 lượt trâu ở 7 HTX, (không kể số công tác viên được đào tạo để khám thai cho đàn trâu ở trong toàn huyện). Nhờ có biện pháp này đã làm giảm tỷ lệ xây thai từ 15% năm 86 xuống 3% năm 90.

Mục	Đơn vị tính	1986	1990
1. Số nghé đẻ trong năm	con	93	180
2. Số nghé, bị xây trong năm	"	17	5
3. Tỷ lệ xây thai	%	15	2,7

3.3. Tác động các biện pháp nâng cao khả năng sinh sản của trâu.

3.3.1. Biện pháp 1: tổ chức chăn thả tập trung trâu đực và cái theo quy vụ tạo điều kiện cho trâu đực gai gập gờ thương xuyên vào thời vụ sinh sản (tỷ lệ 1 đực/5-10 cái) đã có hiệu quả cao.

- Vụ xuân trâu đực đực 52% có tỷ lệ cao hơn vụ thu (46%)
Tỷ lệ thụ thai vụ xuân cũng đạt tỷ lệ cao 73%.

Chỉ tiêu	Số con theo dõi	Số trâu đồng đực	tỷ lệ (%)	Số trâu có chửa	Tỷ lệ trâu chửa (%)
Mùa xuân (tháng 3-4)	50	26	52	19	73
Mùa thu (tháng 8-9)	50	23	46	14	60,8

3.3.2. Biện pháp 2 chữa-sinh :

Điv trâu nhà sởi chữa sinh được tác động bằng HNC của Viện khoa học nông nghiệp Việt nam để kích thích chữa nâng sinh đẻ của chúng.

Trâu được tiêm với liều 10 - 12 VI chuột/ kg 2

Kết quả định huyết thanh ngựa chữa kích thích chức năng sinh đẻ của trâu cái.

Chỉ tiêu	Số con tạo động	Số trâu động dục	Tỷ lệ (%)	Số trâu có chưa	Tỷ lệ (%)
Trâu chặm sinh từ 3-6 năm	104	94	90	34	36,3
Trâu 6 tháng sau đẻ chưa động dục	67	65	97	26	40

- Trâu chặm sinh từ 3 - 6 năm đạt thu thái 36,3%

- Trâu 6 tháng sau khi đẻ chưa động dục lại được tiêm HINC đã thụ thai 40%.

III.4. Biện pháp thú y :

Cung phòng, nông nghiệp và trạm thú y huyện cùng cố gắng lưu ý thú y cơ sở, phát động dưới hai hình thức dịch vụ bắt buốt và dịch vụ thọt thuận.

Định kỳ tiêm phòng bệnh ta huyết trùng và tẩy sán lá gan cho trâu bò, chúng tôi đã kết hợp với Bộ môn kỹ sinh trùng Viện thú y tiến hành chẩn đoán bệnh tiêm mao trùng (TMT) cho trâu bằng các phương pháp chẩn đoán huyết thanh học Biotin, ngưng kết nhanh trên phiến kính... Công tác chẩn đoán này đã được tiến hành vào 3 vụ (tháng 3/1989, tháng 9/1989 và tháng 4/1990 tại 7 HXX (650 mẫu).

Kết quả kiểm tra bệnh tiêm mao trùng của trâu (tháng 4/9⁰)

Hợp tác xã	Số trâu kiểm tra	Số mẫu được tính	Tỷ lệ mắc bệnh (%)
1. Tiên nội	41	13	31
2. Tiên ngoại	44	11	25
3. Dục minh	17	7	41
4. Cốc bắc	15	3	20
5. Trại văn	9	1	11
6. Hoàng đồng	79	19	24
Cộng	205	54	27

Qua kiểm tra cho thấy số trâu nhiều bệnh TMT ở HXX cao, đặc biệt ở Hoàng đồng bằng phương pháp ly tâm đã tập trung và chực con TMT/V.V.V.

- Đã có kế hoạch tiêm điều trị triệt để những con dương tính (dùng phương pháp, dùng liều lượng).

- Có kế hoạch kiểm tra và không thả bệnh TMT cho đàn trâu trước khi vào vụ đông xuân trong huyện.

III-5. Nghiên cứu ứng dụng các chế độ chính sách nhằm, khuyến khích xa viên chăn nuôi trâu cày kéo kết hợp sinh sản.

III-5.1. Từ 1-1987 đến 5-1988 : Dân trâu của tập thể giao cho xa viên nuôi.

Đã bàn với HTX cải tiến chế độ khoán, quản lý dân trâu.

- Quy định 1 trâu có 1 người nuôi và do 1 thợ cày chuyên trách làm đất cho nhóm.

- Cày dùng nội lực sử dụng trâu cày (định thời gian nghỉ, thời gian làm việc tung va).

- Trả công cho người nuôi trâu, người cày bằng thóc, bỏ chế độ trả công bằng tiền, cày cày bằng 1 gào trả 7 kg thóc, còn người nuôi trâu được trả công chăn đất bằng 100 - 150 kg/năm.

- Khuyến khích người nuôi trâu sinh sản : cho người nuôi hưởng 80% giá trị bê nghe 1 năm tuổi, cứ 1 kg nghe hơi trả bằng 4 kg thóc.

Song chỉ hạn chế dân trâu chết vì đói, rét, làm việc nhiều.

5.2- Từ tháng 6-1988 đến tháng 12-1990.

Có nghị quyết 10/4 phối hợp với huyện đề tổ chức giao trả cho dân, cơ chế thay đổi, 7 HTX có 665 trâu tập thể được giao cho dân tịch bằng thóc. Trung bình 1 con có giá bằng 650 kg thóc (biên đông 350 kg - 900 kg thóc/con).

Trâu qua gia đình nên xã viên tự nuôi, tự quản lý, do sử dụng hợp lý, được chú ý chăm sóc nuôi dưỡng nên trâu béo khỏe trâu khỏe ít chết.

5.2.1- Xây dựng chế độ khuyến khích người nuôi đẻ giá (lấy trong qui phát triển sản xuất của H X) đề :

Bồi dưỡng trâu đẻ giống : HTX Tiên ngoại giành 20 kg thóc/năm cho 1 đẻ giống, Tiên nội giành 60 kg, Yên bắc giành 20 kg thóc/năm, cho toàn bộ số trâu đẻ giống của HTX.

5.2.2- Thực hiện trả tiền phối giống cho người nuôi giống : người nuôi trâu cái phải trả 2000 đ (ở Yên bắc) và 6000đ (ở Tiên nội) sau một lần phối giống.

5.2.3- Có chế độ d/v cán bộ kỹ thuật HTX:

- HTX Yên bắc trả công 1 cán bộ kỹ thuật chăn nuôi là 150 kg thóc /vụ.

- HTX Tiên nội 168 kg thóc/vụ, HTX Tiên ngoại 110 còn HTX Chuyên ngoại, Duy minh, Trạc văn trả 100 kg thóc/ Ngoại rẽ để phụ vụ việc tiêm phòng định kỳ hàng năm cứ nu trâu phải góp 3 kg thóc cho mạng lưới thú y HTX.

III-6. Công tác đào tạo, tập huấn, tuyên truyền phổ biến khoa học kỹ thuật.

6.1- Đã tập huấn kỹ thuật tại chỗ cho 30 người (về khám thai trâu, chế biến cây gỗ, trồng và sử dụng

6.2- Tổ chức 4 buổi tạo đàn 292 nông dân tham gia thảo luận, việc tổ chức thực hiện các biện pháp sinh sản, thực ăn và chế độ khuyến khích người nuôi trâu đực giống...

6.3- Tổ chức gặp gỡ trao đổi giữa lãnh đạo và kỹ thuật 7 HTX 1 năm 2 lần vào mùa và sinh sản để rút kinh nghiệm và có kế hoạch triển khai thực hiện tốt các biện pháp tổng hợp nâng cao khả năng sinh sản của đàn trâu 7 HTX.

6.4- Tổ chức hội nghị đầu bờ " tại HTX Trác văn phổ biến kỹ thuật ủ cây ngô cho toàn bộ 22 chủ nhiệm HTX, các cán bộ kỹ thuật, Ủy ban Nhân dân huyện Duy tiên với sự có mặt của Ban Chủ nhiệm chương trình 02-B trong tháng 11 năm 89.

6.5- Tổ chức quay vô tuyến và phát truyền đài truyền hình Việt nam về kỹ thuật và kết quả ủ cây ngô làm thực ăn dự trữ cho trâu bò đông xuân (11-11-1989) và về đàn trâu sinh sản của HTX Trác văn (12-4-1989)

Một số kết quả, và qui trình kỹ thuật chế biến cây ngô, sử dụng kích dục tố nâng cao sinh sản đàn trâu được phổ biến kịp thời trên báo chí, đài phát thanh tiếng nói Việt nam và đài truyền hình huyện Duy tiên.

6.6- Phát hành tờ bướm phổ biến kỹ thuật ủ rơm với ure 4% để nuôi trâu bò tại huyện Cần long tỉnh Cửu long và vùng đồng bằng sông Cửu long.

III-7. Kết quả tổng hợp :

Sau 4 năm nghiên cứu ứng dụng, bước đầu xây dựng mô hình chăn nuôi cây keo kết hợp sinh sản ở 7 HTX điển thuộc huyện Duy tiên (Hà Nam Ninh) đã đạt kết quả sau :

7.1- Tổng đàn trâu từ 883 con (1986) tăng lên 1116 con (1990) tăng 25,1%. Trong đó : trâu cái từ 713 con (1986) tăng lên 944 con (1990) tăng 32%.

Do đó bình quân mức kéo của trâu đã giảm từ 2,32 ha gieo trồng (1986) xuống 1,85 ha/con/vi (1990)

7.2- Chất lượng đàn trâu cũng tăng :

- Trâu cái loại A và B tăng : từ 635 con (1986) lên 783 con (1990).

- Trâu cái loại C giảm từ 78 con (1986) xuống 51 con/1990

7.3- Nâng tỷ lệ sinh sản của đàn trâu cái từ 29% (1986) lên 40% (1990) và tăng tỷ lệ nuôi sống, đẻ 69% (1986) lên 95% (năm 1990).

7.4- Giảm được số trâu đực ngã đông xuân từ 3,6% (1986) còn 0,5% (1990).